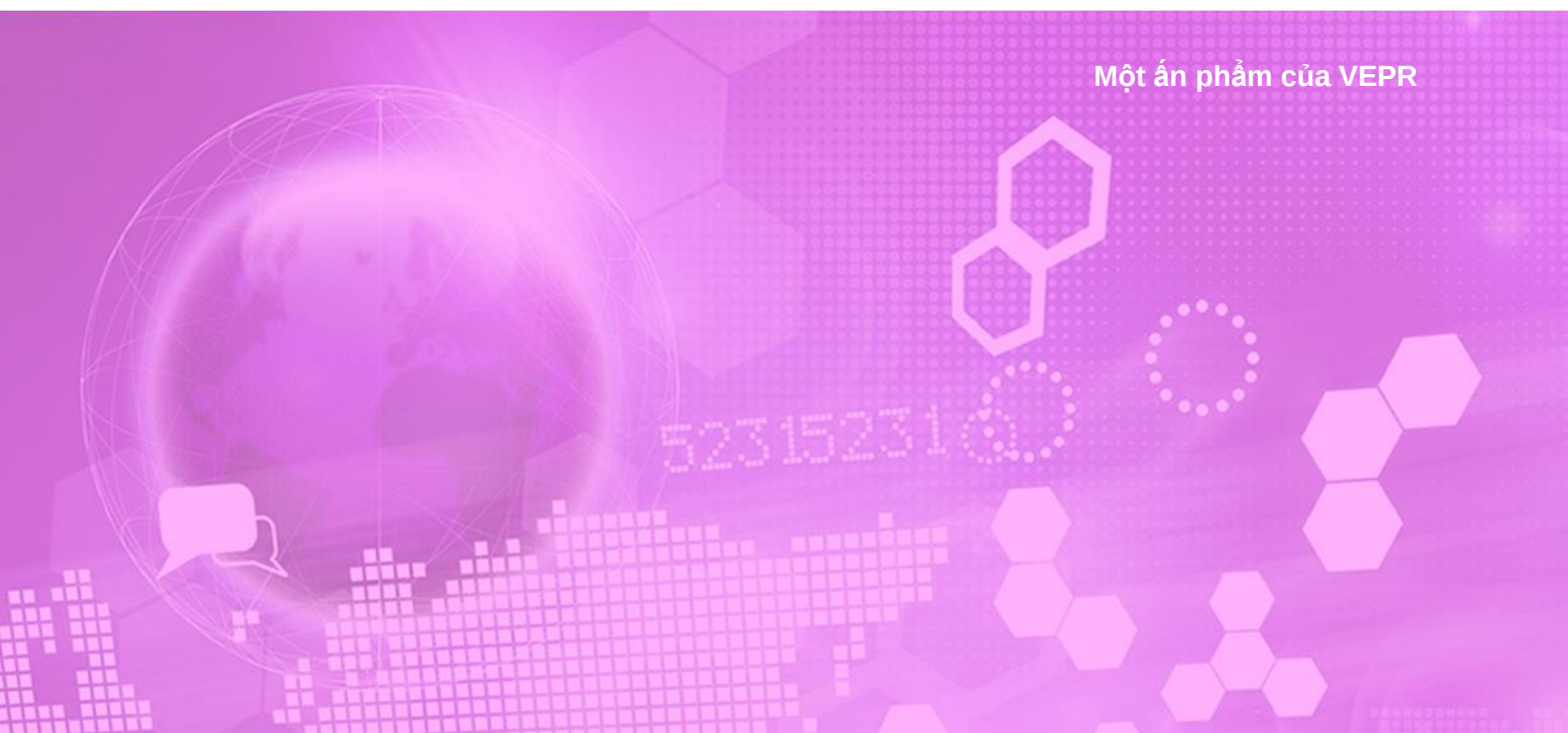


NGHỆ THUẬT VÀ KHOA HỌC CỦA KINH TẾ HỌC TẠI CAMBRIDGE

Cambridge Economists

Một ấn phẩm của VEPR



Nghệ thuật và khoa học của kinh tế học tại Cambridge¹

Cambridge Economists

Biên dịch: Trần Mạnh Cường²

Quan điểm được trình bày trong bài viết này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của dịch giả hoặc VEPR và Broaden Economics.

¹ Nguồn: <http://www.economist.com/news/christmas-specials/21712057-history-famous-faculty-shows-way-economics-taught-depends-what>

² Phó giám đốc Chương trình nghiên cứu Kinh tế học mở rộng thuộc VEPR (Broaden Economics) – Email: tran.manhcuong@vepr.org.vn

Tổng quan:

Lịch sử của một khoa nổi tiếng cho thấy cách dạy kinh tế học dựa trên định nghĩa về những nhà kinh tế. Bài viết này xoay quanh lịch sử phát triển của Khoa Kinh tế học của Đại học Cambridge từ khi được thành lập bởi Alfred Marshall cho đến hiện tại. Song hành với sự phát triển của Khoa Kinh tế là sự phát triển, thay đổi của tư tưởng của những người trực tiếp điều hành và thừa hưởng nền đào tạo của Cambridge về Kinh tế học. Ấn phẩm này cũng phân tích về vai trò của toán học, các yếu tố chính trị lên các phân tích, quyết định kinh tế.

Từ khóa: Kinh tế học Cambridge, Keynes, Marshall, Pigou



Lịch sử của một khoa nổi tiếng cho thấy cách dạy kinh tế học dựa trên định nghĩa về những nhà kinh tế.

Vào năm 1924, cha đẻ của kinh tế học vĩ mô John Maynard Keynes, đã sử dụng một bài tiểu sử về người thầy của ông - Alfred Marshall để suy tưởng về những phẩm chất của một nhà kinh tế học giỏi.

Một nhà kinh tế học, ở một mức độ nhất định, phải đồng thời là nhà toán học, nhà sử học, nhà chính trị, nhà triết học. Nhà kinh tế học phải hiểu những biểu tượng và giải thích được bằng từ ngữ. Người này phải chiêm nghiệm cái cụ thể bằng những khái niệm tổng quát, và chạm đến sự trừu tượng lẫn cụ thể trong cùng một mạch suy tưởng... Không có ngõ ngách nào thuộc bản tính của con người hoặc của những định chế nằm ngoài tầm quan tâm của nhà kinh tế học. Anh ta phải có chủ đích và khách quan cùng một lúc; cũng như việc sống thu mình và liêm chính như một nghệ sĩ nhưng đôi lúc lại thực tế như một chính trị gia.

Những phẩm chất tuyệt vời đó thật khó mà đạt được, Keynes đã thở dài mà nói: “Giỏi hay thậm chí là thành thạo, những nhà kinh tế học chính là những chú chim hiếm có nhất.” Nhưng có một điều ông ấy không mấy may nghĩ ngờ, đó là nơi để tìm thấy những chú chim hiếm có kia đang đậu là những chiến hào bằng đá sa thạch của Đại học Cambridge. Khoa kinh tế học của trường Cambridge được thành lập bởi Marshall và là nơi gắn bó với Keynes, đã từng một thời là ngôi trường hàng đầu thế giới về kinh tế học. Nơi đây không chỉ dạy cho những người trẻ thông minh trên toàn vương quốc. Nơi đây còn đào tạo họ trở thành những nhà kinh tế mà khoa kinh tế học hướng tới: những người cung cấp dịch vụ tư vấn chính sách thực sự hoàn hảo, lúc nào cũng sẵn sàng đưa ra những chính kiến riêng của mình nhưng khách quan.

Mục đích này có thể nhận thấy qua những câu hỏi trong bài thi tại thời điểm ấy. Sinh viên được kỳ vọng phải kết hợp những nguyên lý kinh tế học với sự am hiểu về các sự kiện đương thời. Ví dụ, vào năm 1927, một đề thi ở môn tài chính công đã yêu

cầu sinh viên giải thích qui mô và những nguyên nhân cho những khoản chi tiêu chính của chính phủ Anh quốc. Sinh viên cần có những kỹ năng của một người viết luận văn, viết một bài trong suốt ba tiếng đồng hồ để giải đáp chỉ một câu hỏi như về tương lai của vàng, quyền và nghĩa vụ của những cổ đông hay những sự lựa chọn về vấn đề dân chủ. Kinh tế học Cambridge coi mình là một môn khoa học phân tích mà tính toán lại không phải yếu tố quan trọng. Chỉ có một mô đun thống kê xuất hiện trong một bài kiểm tra dài một trang dành cho sinh viên năm cuối; ngoài ra những đề thi khác đều không có các kỹ hiệu toán học.

Hãy so sánh điều này với những bài thi ngày nay. Charlotte Grace, một sinh viên năm cuối của chương trình kinh tế học ba năm (tương đương bằng đại học ở Cambridge), cho biết cô ấy có thể qua tất cả các môn ở năm nhất mà không cần đọc bất kỳ một tờ báo nào. Và mặc dù đề thi kinh tế vĩ mô dài năm trang dành cho sinh viên năm cuối vào năm 2015 có hỏi về một số khó khăn chính sách đương thời, như những đặc điểm của khu vực đồng Euro có thể đã góp phần vào cuộc khủng hoảng nợ lớn ở Châu Âu, hầu hết các đề thi đề cổ gắng kiểm tra kiến thức của sinh viên về những mô hình phức tạp và nặng về đại số. Những bài viết luận ba tiếng về một chủ đề duy nhất đã bị thay thế bởi một luận văn bắt buộc mà trong đó khuyến khích phân tích thực nghiệm.

Những bài kiểm tra này phản ánh những thay đổi của môn học. Sinh viên phải thuần thục những công cụ kỹ thuật trong một lĩnh vực chuyên môn cao. Họ cần phải biết và áp dụng toán học một cách hiệu quả do vậy khó có thời gian cho môn lịch sử. Những kết luận dựa trên chứng cứ được đánh giá cao hơn một bài phân tích dài hàng gang tay. Các nhà kinh tế cần phải biết giới hạn chuyên môn của họ, và phải dè chừng trước những đánh giá có tính chính trị vì họ hiểu rõ bất kỳ sự thay đổi chính trị nào cũng có thể ảnh hưởng đến họ.

Một số người lại ưa thích sự chính xác và chặt chẽ về mặt toán học. Trong một ngày tháng Mười nắng đẹp, những giờ giảng của ngày đầu tiên của năm học này, Angus Groom, một cậu sinh viên năm nhất 18 tuổi với gương mặt tươi trẻ, nhận xét về bài giảng đầu tiên của môn kinh tế học vĩ mô rằng nó là “những thứ tôi đã đọc đâu đó trước đây rồi, nhưng thực sự bây giờ được tiếp cận ở khía cạnh nghiêm túc hơn”. Cậu ấy cảm thấy rất may mắn khi có thể biết nhiều hơn những điều bình thường mà cậu ấy đã từng học ở trường.

Môn học được cấu trúc rõ ràng mà Groom đang nghiên cứu khác xa với sự hồ lộn rắc rối mà Marshall đã đối mặt khi ông ấy lần đầu được lĩnh hội chương trình kinh tế ba năm. Khi ông ấy được bổ nhiệm làm chủ nhiệm khoa kinh tế chính trị của trường vào năm 1885, kinh tế học được xếp vào chương trình học ba năm của nhóm “khoa học xã hội” cùng với tâm lý học, logic, đạo đức và các lĩnh vực khác. Marshall đã cho rằng “một cậu nhóc, từ trường học cấp ba đến với một mớ hỗn tạp các khái niệm khó hiểu hoàn toàn xa lạ với cậu ta, thực sự bị bối rối”, và sẽ bị bỏ lại khi vẫn còn “non nớt”.

“Địa vị của kinh tế học... dường như ở điểm rất thấp”, Neil Hart viết trong cuốn sách sắp xuất bản “Cẩm nang Palgrave về Kinh tế học Cambridge” (Palgrave Companion to Cambridge Economics). Cuốn sách này thể hiện “một phần nhỏ và gây

tranh cãi của môn học, phần nhiều trong đó được giảng viên và giáo sư có được hoặc ‘vay mượn’ từ những môn học có sẵn”. Những câu hỏi trong đề thi phản ánh sự mờ nhạt về những ranh giới của lĩnh vực này. Một đề thi vào năm 1871 đã yêu cầu sinh viên xem xét liệu kinh tế chính trị có nhiều thứ để nghiên cứu từ góc độ đạo đức hay ngược lại. Tùy từng thời đại, những vấn đề kinh tế lại được nhìn dưới con mắt của cá nhân, quốc gia, và cụ thể, là lợi ích giai tầng. Lấy một ví dụ: “Nếu có một người bất kỳ có thông tin mật rằng chiến tranh sắp xảy ra giữa Anh và Mỹ, anh ta nên thay đổi đầu tư như thế nào là khôn ngoan nhất? Và: “Xem xét những kết quả có thể xảy ra, đối với những tầng lớp khác nhau của xã hội Anh, nếu các mỏ than của chúng ta đều bắt đầu suy giảm và cạn kiệt cùng một lúc”

Marshall nghĩ như vậy vẫn chưa đủ tốt. Sự phức tạp của nền kinh tế toàn cầu hóa lần đầu tiên và sự gia tăng những vấn đề xã hội đi kèm cho thấy Anh quốc cần nhiều nhà kinh tế học hơn và tốt hơn. Ông ấy chỉ rõ, Cambridge nên đáp ứng nhu cầu trên bằng việc đào tạo những chuyên gia với “ba năm đào tạo khoa học có cùng đặc điểm và ở cùng một mức độ với chương trình đào tạo các nhà vật lý học, sinh học hay kỹ sư”. Sách giáo trình do ông ấy viết vào năm 1890, “Nguyên lý kinh tế học” (“Principles of Economics”) trình bày một kế hoạch rất rõ ràng.

Khung nguyên lý

Cuốn sách của Marshall đã hình thành cách sử dụng các biểu đồ để biểu thị hiện tượng kinh tế, tạo ra các đường cung và cầu quen thuộc hơn bao giờ hết với những nhà kinh tế học trẻ. Cuốn sách cũng đưa ra một quan điểm về nền kinh tế như một hệ thống động giống như một hệ thống vật lý, quá phức tạp đến mức cách tốt nhất là phân tích theo từng phần nhỏ. Phân tích cân bằng bộ phận, trong đó một số thành phần của nền kinh tế được giữ nguyên để giải thích những chuyển động của các thành phần khác, đã mở ra cho các nhà kinh tế học một con đường để tách một câu hỏi lớn phức tạp thành nhiều câu hỏi nhỏ hơn. Cùng với “*Những Nền tảng Kinh tế Chính trị và Thuế*” (*On the Principles of Political Economy and Taxation*) của David Ricardo và “*Tư bản*” (*Capital*) của Karl Marx, cuốn sách của Marshall là một trong ba quyển sách kinh tế học có tầm ảnh hưởng nhất trong thế kỷ 19.

Marshall đã hoảng hốt khi thấy Pigou mặc một chiếc áo veston Norfolk với miếng rách ở cả hai khuỷu tay: “Quá tệ cho chương trình kinh tế học ba năm!”

Chương trình ba năm riêng rẽ mà Marshall muốn cuối cùng đã được bắt đầu vào năm 1903. Những khóa học của chương trình này không chỉ có đường cong và phương trình. Với chương trình học đầu tiên, ông ấy hi vọng sinh viên biết về thể chế của Anh và phát biểu về các chủ đề như “cách sử dụng từ ‘tự nhiên’ (natural) trong các bài viết kinh tế” hoặc “các mục tiêu kinh tế như một yếu tố trong chính trị quốc tế”. Nhưng nó thực sự còn thực tế hơn thế. Trong một chương trình từ 1907 có tên là “Kinh tế học nâng cao: chủ yếu hiện thực”, sinh viên được yêu cầu “đưa ra một số lý do cho vụ phân xử về công nghiệp ở New Zealand”. Ý tưởng chung là phát triển kinh tế học thành một “môn nghiên cứu về con người trong những công việc kinh doanh thường nhật của cuộc sống” không hơn không kém.

Vào năm 1908, Marshall trao quyền cho Arthur Pigou. Pigou – một chàng trai ba mươi tuổi hay ngại ngủ và thích leo núi, đã được biết đến như một nhà thông thái vào thế kỷ 19. Ông bắt đầu học về lịch sử và giành giải thưởng thơ ca của trường đại học với bài thơ ca tụng Alfred Đại đế trước khi chuyển qua chương trình ba năm về khoa học xã hội vào năm 1899 để học kinh tế học và đạo đức. Được biết đến trong Cambridge như là một “Giáo sư” – không có gì đặc biệt, và với một số người, khá là vô ích, nhưng Pigou lại nổi danh là một trong những người mặc xấu nhất thành phố. Marshall đã hoảng hốt khi thấy Pigou trong một chiếc áo veston Norfolk với miếng rách ở cả hai khuỷu tay: “Quá tệ cho chương trình kinh tế học ba năm!”

Dù cách ăn mặc còn thiếu sót, học vấn xuất sắc của Pigou đã giúp ông ấy đương nhiên trở thành người kế thừa của Marshall. Và với cuốn sách “*Kinh tế học Phúc lợi*” (*The Economics of Welfare*) của mình, ông đã mở mang sự nghiệp của Marshall bằng cách giúp những nhà kinh tế học biến những tranh cãi chính trị phiến toái thành những vấn đề chuyên môn. Trước khi Pigou xuất hiện, những quyết định can thiệp vào thị trường được biết đến như một cách để giúp một thành phần vượt qua một thành phần khác, và phải trả giá bằng sự thiếu hiệu quả. Bản thân Pigou lên án chủ nghĩa bảo hộ và chế độ ưu đãi hoàng gia thời bấy giờ, lo rằng chúng là những khoản hồi lộ cho một nhóm nhỏ trong dân chúng.

Dù vậy trong những trường hợp khác, ông ấy cho rằng sẽ có những phí tổn ngoại bộ cho những hành động của một số người, can thiệp một chút có thể cải thiện đầu ra của thị trường. Ví dụ, những người lờ đi những tác động của sự gây ô nhiễm của họ đến người khác sẽ gây ra ô nhiễm quá mức. Một mức thuế vừa đủ để gắn những động cơ cá nhân với những động cơ của xã hội có thể giúp tất cả mọi người đều có được kết quả tốt hơn. Đi kèm với những ý tưởng này, các nhà kinh tế có thể tranh luận về việc can thiệp vào những nền tảng kỹ thuật về hiệu suất.

Marshall đã ca tụng Pigou; nhưng học trò cưng của Marshall lại là Keynes, người tham gia một trong các khóa học của Marshall sau khi lấy bằng toán học vào năm 1905. Vào năm 1909 Keynes trở lại và dạy kinh tế học tiền tệ. Trong bài luận của mình về Marshall - Keynes có thể đã miêu tả bản thân – một nhà kinh tế bậc thầy, như “nhà toán học, nhà sử học, chính trị gia, triết gia” (và dường như ông ấy đã nghĩ: khiêm tốn hoàn toàn không phải là một phần của bí quyết). Nhảy qua nhảy lại giữa các vai trò: một học giả, công chức, cố vấn cho chính phủ và nhà báo, ông đóng góp mạnh mẽ trong các chủ đề lớn nhất thời bấy giờ; cuốn sách nhỏ của ông – *Những Hệ quả Kinh tế của Hòa bình* (*The Economic Consequences of the Peace*) phản đối sự phân chia quyền lợi kinh tế trên chiến bại của nước Đức, là tác phẩm khiến Keynes giàu có và nổi tiếng.

Cũng giống như Pigou, Keynes nhấn mạnh rằng những quyết định nhạy cảm mang tính cá nhân có thể là thảm họa đối với xã hội. Ông ấy không có những bằng chứng dữ liệu mà những nhà kinh tế có như ngày nay, nhưng ông ấy có thể nhìn ra rằng thất nghiệp lớn của những năm 1930 là kết quả của một thất bại thị trường nặng nề: hàng dài những người chờ trợ cấp đều miễn cưỡng chịu cảnh thất nghiệp. Bất chấp những ý kiến đồng thuận rằng nhìn chung nền kinh tế sẽ tự ổn định, Keynes nghĩ rằng các nền kinh tế có thể kết thúc ở tình trạng mắc kẹt trong khủng hoảng sâu và trầm trọng, đơn

giảm chỉ vì đánh mất sự tự tin vốn có. Giải pháp là sự can thiệp của chính phủ, dưới dạng kích thích chi tiêu công và sự tự tin. Nghiên cứu của Keynes chứng minh can thiệp chính sách là một liều thuốc giải cho những thiếu sót của chủ nghĩa tư bản, để bảo vệ hơn là thay thế nó; và thực tế là như vậy, theo Pigou, với sự hỗ trợ rõ ràng của những lý luận chuyên môn sáng suốt.

Những người chỉnh sửa về mặt kỹ thuật

Keynes và Pigou đã hình thành kinh tế học như một bộ công cụ được sử dụng bởi các nhà hoạch định chính sách, và khai phá vai trò của các cổ vấn kinh tế của chính phủ. Keynes nổi tiếng với câu nói rằng “những người thực dụng tin bản thân họ khá thờ ơ với bất kỳ ảnh hưởng nào về mặt trí tuệ thường lại là nô lệ của một số nhà kinh tế học quá cố”; chủ nghĩa vận động chính sách của ông được thiết kế để thay thế quan điểm được chấp nhận nhưng chưa được kiểm chứng trong quá khứ với những phân tích rõ ràng thích hợp ở hiện tại. Khi chính phủ Anh thành lập một Hội đồng các nhà kinh tế để tham vấn, Keynes và Pigou đều được bổ nhiệm vào đó. Trong khi đó, Cambridge đang cố gắng để đào tạo ra những người như họ. Trong suốt những năm 1920 và 1930, mỗi năm Keynes trình bày tám bài giảng về nghiên cứu “*Lý thuyết Tổng quát về Việc làm, Lãi suất và Tiền tệ*” (*The General Theory of Employment, Interest and Money*) đang tiến hành của ông, và tạo ra một trung tâm học thuật cho các môn học kinh tế, được biết đến với cái tên “Rạp xiếc Cambridge”. Một nhóm các thành viên trẻ của khoa bắt đầu gặp mặt kể từ năm 1930 để bàn về “*Luận thuyết về Tiền tệ*” của Keynes được công bố cùng năm. Đặc biệt là những sinh viên bậc đại học được chọn cũng có thể tham gia.

Những sinh viên trong thời gian đó được kỳ vọng sẽ nhìn nhận được lý thuyết và thuật toán nhiều hơn trước. Harry Johnson, một nhà kinh tế người Canada khi đến thăm Cambridge, ngay trước khi Keynes qua đời, đã bị sốc trước những yêu cầu ngày càng nhiều của chương trình học ba năm. Một lần, ông ấy đã viết rằng, tất cả những gì bạn phải làm để thi qua được những bài kiểm tra là đọc “Các nguyên lý” (Principles) của Marshall trong suốt năm học và đọc tờ Times vào mỗi buổi sáng; thời gian còn lại hoàn toàn rảnh rỗi vì đã được “ra ngoài dòng sông cùng với Chúa”. Vào thời điểm ông ấy đến, những sinh viên năm cuối phải đọc “*Lý thuyết Tổng quát*” của Keynes từ đầu đến cuối, và lĩnh hội tất cả những cuộc tranh luận đầy trí tuệ như những cuộc tranh luận giữa Keynes và đối thủ là một người cộng sự gần gũi D.H. Robertson, về các lý thuyết “ưa thích thanh khoản” và “các quỹ cho vay” (Sức nóng của cuộc tranh luận còn được đưa vào cả bài thi: một sinh viên vào năm 1947 được yêu cầu xem xét lời phê bình “học thuyết về ưa thích thanh khoản của Lord Keynes dường như để lãi suất tự treo” có thể có ý muốn cho sinh viên biết người ra đề là ai trước khi làm bài)

Một thế giới phẳng hơn

Khoa kinh tế học của trường Cambridge dù vẫn ảm tượg, đã không thể nào tránh khỏi việc thụt lùi so với đỉnh cao chói ngợg từ những năm 1920 đến những năm 1940. Keynes đã làm chần động những đồng thuận cố hữu, những quy tắc trong sách giáo trình của Marshall và Pigou. Lần tiếp theo, một sự đồng thuận cố hữu trong kinh tế học, bị lặp lại ở một Cambridge khác, ở Massachusetts. Một kẻ hờ học thuật thời hậu chiến

chống lại chủ nghĩa Keynesian đã đẩy trường Cambridge cũ thành một nơi chậm tiến bất đồng quan điểm, buộc phải phê phán dòng chính luận từ bên ngoài.

Ngày nay khoa kinh tế học không còn dung dưỡng trường phái tư tưởng riêng của mình nữa, nhưng vẫn phải trải qua sự chuyển giao hậu đế quốc sang những trường đại học chi phí cao ở Mỹ. Tuy nhiên trong số các trường đó, không một tòa tháp nào được dựng cao hơn tòa tháp Cambridge mà Pigou và Keynes đã dựng lên. Sự thành công chung của nghề nghiệp, cùng với sự lớn mạnh của thể chế, thật khó cho bất kỳ trường nào khác đạt ưu thế vượt trội đúng nghĩa. Không còn thế trận nào được bày ra như trong quá khứ. Những nhà kinh tế học hầu như đã hoàn thành mục đích phát triển từ những cuộc tranh luận tư tưởng của Marshall; những cuộc tranh đấu ngày nay là giữa phương pháp luận, chứ không có tư tưởng.

Keynes và Pigou đã thay đổi môn học với những học thuyết mới to lớn về cách vận hành của hệ thống kinh tế trong khi tham gia hoạt động về chính sách và khuyến khích mọi người làm điều tương tự. Vai trò của cổ vấn kinh tế đã được thành lập từ đó và vẫn còn đến ngày nay. Nhưng cụ thể ở Anh, những quan niệm cố hữu của giáo hội lớn cho rằng lời khuyên như vậy ở mức độ nào đó đã trở thành một thứ hàng hóa. Những triết gia và các nhà bình luận lớn đã bị thay thế bởi các chuyên gia xây dựng những mô hình ngày càng rắc rối và tìm những cách ngày càng tinh vi để rút ra bài học từ dữ liệu.

Hamish Low, một giáo sư ngành kinh tế học ứng dụng ở Cambridge không hề than phiền về việc mất đi ông vua triết học trong những cuộc tranh luận trí tuệ. Ông ấy nói: “Bây giờ chúng ta cần dựa vào nhiều căn cứ hơn”. Nhưng sự phát triển của các môn học cũng có cái giá phải trả. Chuyên môn hóa kết hợp với kỹ năng thành thạo có thể dẫn đến những suy nghĩ hạn hẹp. Low cho biết “Những môn học hiện nay thiên nhiều về phương pháp hơn là các câu hỏi”. Sự hạn hẹp này được phát triển thông qua việc cố vấn chính sách, do quá thường xuyên áp dụng những mô hình có sẵn vào hoàn cảnh hiện tại hơn là xem xét những lần tái diễn căn bản của vấn đề. Các nhà kinh tế có thể cho chúng ta một sự ước lượng rằng ở mức thu nhập ngân sách nào sẽ phải gia tăng thuế, sự thất thoát thu nhập liên quan đến Brexit, hay tác động của sự tăng tiền lương tối thiểu đến việc làm. Nó gợi nhắc đến một châm ngôn của Keynes về các nhà kinh tế học ở đỉnh cao của họ giống như “những người khiêm tốn mà đầy thẩm quyền ở ngang mức với các nhà sĩ”, sử dụng kỹ năng chuyên môn của họ để giải quyết những vấn đề cấp bách trong giới hạn một lĩnh vực.



Ẩn dưới sự khiêm tốn về mặt học thuật này chính là một thất bại lớn hơn. Sau bài giảng thú vị về kinh tế học vĩ mô, một người gây được chú ý thứ hai trong khoa của ông Groom là Ha-Joon Chang, tác giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng như “*23 điều họ không nói với bạn về chủ nghĩa Tư bản*” (“*23 Things They Don’t Tell You About Capitalism*”). Trong thâm tâm của mình, Marshall khao khát chia tách kinh tế học khỏi chính trị học, ông Chang giải thích cho những độc giả say mê lắng nghe, một sự đối lập: “Kinh tế học nghiên cứu về chính sách kinh tế, mà nó chính là chính trị”. Khoảng trống mới mà Marshall tạo ra cho kinh tế học, và cách giảng dạy mới của ông ấy, giúp môn học được trang bị tốt hơn trong việc cung cấp thông tin cho hoạt động chính trị một cách không vụ lợi. Nhưng chính trị lại luôn ở đó. Vì môn học tập trung nhiều, nhiều hơn vào kỹ thuật và các mô hình, hiện thực cố định này luôn luôn vượt ra khỏi quan điểm. Nhưng mặc dù nó bị ẩn đi, sức mạnh của nó vẫn tồn tại – tất cả sẽ trở nên nguy hại hơn khi không được nhìn rõ và do đó sẽ không bị đặt câu hỏi.

Như ông Chang giải thích với sinh viên rằng, coi chính trị như một yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến cách lý thuyết kinh tế được đối chiếu sang chính trị có thể là một phỏng định hữu ích. Nhưng sự phỏng định này bỏ qua phần còn lại của hệ thống – phần mà lý luận kinh tế và chính trị ảnh hưởng đến tiến trình phát triển của nhau. Vì thế, lấy một ví dụ, những nhà kinh tế vui mừng vào việc xây dựng các mô hình của sự lựa chọn mà không tìm hiểu kỹ quyền lực được sử dụng nào sẽ hình thành nên những sự lựa chọn đó. Trong khi một số người phát hiện sự gia tăng khổng lồ trong bất bình đẳng thu nhập đã diễn ra tại Anh và Mỹ từ những năm 1980, ngày nay họ có xu hướng bỏ qua nó vì coi nó cơ bản là một vấn đề chính trị. Họ quá thường xuyên im lặng trước những loại câu hỏi mà chương trình kinh tế học ba năm đã từng coi là rất quan trọng: các quyền và nghĩa vụ của cổ đông; những lựa chọn dân chủ; ảnh hưởng của sự cạn kiệt nhiên liệu hóa thạch; ý nghĩa nếu có của từ “tự nhiên”.

Nếu các nhà kinh tế thực sự là nha sĩ, cũng tốt thôi; không ai cần một tư tưởng chính trị của những lỗ sâu răng để thực hiện chữa tủy răng cả. Và sống không có nha

khoa là một điều khủng khiếp. Nhưng Keynes lúc đỉnh cao chỉ đặt một nửa niềm tin vào hình tượng nhà sĩ của mình. Ông cũng muốn trở thành các "nhà toán học, sử học, chính khách, triết gia": sống khép kín; phàm tục; có mục đích. Không phải mọi nhà kinh tế có thể trở thành tất cả những điều đó hoặc có thể không bao giờ họ trở thành tất cả. Nhưng nếu nguyện vọng thử và cố gắng trở thành tất cả từ xưa cũ đó bị mất đi, thì một phần giấc mơ ban đầu của Marshall về những điều các nhà kinh tế học đang tìm kiếm không còn đơn thuần là để áp dụng những ý tưởng của họ theo cách thực tế nữa, mà còn để cho ra cả những ý tưởng tốt hơn và, cuối cùng, là một thế giới tốt đẹp hơn.



**BROADEN
ECONOMICS**

NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH KHÁC

BET-01 Điều gì đang xảy ra với kinh tế học dòng chính

**BET-02 Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản: Keynes
đổi đầu với Marx**

LIÊN HỆ

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng (Broaden Economics)

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 707, Nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 -704/714/734

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: broadeneconomics@rethinkeconomics.org

Website: www.vepr.org.vn

Bản quyền © Broaden Economics 2017